

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
TƯ VẤN HÀ LONG**

**Báo cáo tài chính hợp nhất quý IV năm tài chính 2016
kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	3 – 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	6
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	7 – 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc hân hạnh trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long cho kỳ kế toán năm 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Thăng Long (chuyển đổi từ Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101143879 ngày 02 tháng 07 năm 2001 và được chuyển đổi thành công ty cổ phần từ ngày 02 tháng 07 năm 2007. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 05 tháng 08 năm 2015, tên công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long.

Công ty có trụ sở tại: Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Công ty đã niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là HID

Trong 9 tháng đầu năm 2016, hoạt động chính của Công ty là thương mại và cung cấp dịch vụ tư vấn.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ kế toán và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Huân	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Trần Đình Khai	Ủy viên
Ông Phùng Ngọc Sơn	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lâm	Ủy viên
Ông Đoàn Ngọc Hiếu	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Trần Thị Lan	Trưởng ban kiểm soát
Ông Trần Bắc Mỹ	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Trọng	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Huân	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 13.06.2016)

Người đại diện theo pháp luật

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Huân	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ kế toán năm 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

6. Công bố các báo cáo tài chính

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Ông NGUYỄN QUANG HUÂN
Tổng Giám đốc
TP. Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 VND	01/04/2016 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		82.184.826.888	153.640.161.575
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	6.109.912.291	2.578.084.743
Tiền	111		6.109.912.291	2.578.084.743
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		750.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	750.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		65.027.816.716	137.079.704.081
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	26.606.447.303	33.465.894.829
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	28.081.653.573	91.026.521.982
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5.1	-	1.610.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	10.654.998.897	11.292.570.327
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(315.283.057)	(315.283.057)
Hàng tồn kho	140		8.842.477.882	8.074.222.627
Hàng tồn kho	141	5.7	8.842.477.882	8.074.222.627
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.454.619.999	5.908.150.124
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	487.002.522	829.928.133
Thuế GTGT được khấu trừ	152		967.319.877	5.078.221.991
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		376.648.446.297	278.448.512.843
Các khoản phải thu dài hạn	210		204.010.451.279	170.159.444.444
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5.2	3.341.831.061	10.159.444.444
Phải thu dài hạn khác	216	5.6	200.668.620.218	160.000.000.000
Tài sản cố định	220		85.800.753.295	96.120.788.220
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	85.800.753.295	89.280.884.770
Nguyên giá	222		94.893.813.959	94.893.813.959
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.093.060.664)	(5.612.929.189)
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	6.839.903.450
Nguyên giá	228		-	7.398.478.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(558.574.550)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		321.993.172	1.824.047.223
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	-	1.824.047.223
Đầu tư tài chính dài hạn	250		86.128.192.384	9.969.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2.2	86.128.192.384	9.969.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		387.056.167	375.232.956
Chi phí trả trước dài hạn	261		87.056.167	75.232.956
Tài sản dài hạn khác	268		300.000.000	300.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		458.833.273.185	432.088.674.418

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017 VND	01/04/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		98.210.271.698	101.327.968.164
Nợ ngắn hạn	310		26.989.255.698	42.975.448.614
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	11.222.382.226	5.657.633.185
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	1.655.205.439	4.013.166.180
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	10.126.981.017	7.141.273.010
Phải trả người lao động	314		79.787.048	462.494.391
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	722.818.548	1.157.646.925
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16.1	423.014.239	566.452.912
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17.1	2.700.000.000	23.868.356.720
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		59.067.181	108.425.291
Nợ dài hạn	330		71.221.016.000	58.352.519.550
Phải trả dài hạn khác	337	5.16.2	57.003.605.000	55.741.408.550
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17.2	14.217.411.000	2.611.111.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		360.623.001.487	330.760.706.254
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	360.623.001.487	330.760.706.254
Vốn góp của chủ sở hữu	411		316.066.210.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		316.066.210.000	300.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		636.587.297	636.587.297
Cổ phiếu quỹ	415		(220.548.297)	(51.798.297)
Quỹ đầu tư phát triển	418		1.462.410.602	1.462.410.602
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		38.469.065.094	24.471.559.136
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.209.276.791	4.241.947.516
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		458.833.273.185	432.088.674.418



LÊ ANH TUẤN
 Người lập biểu



BÙI THỊ XUYẾN
 Kế toán trưởng



NGUYỄN QUANG HUÂN
 Tổng Giám đốc
 TP. Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ 01/04/2016 đến 31/03/2017

Mẫu số B 02a - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý IV năm tài chính		Lũy kế từ đầu năm tới cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ						
1 dịch vụ	01	VI.1.	65.231.837.271	52.837.007.102	281.440.560.560	165.178.082.357
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		65.231.837.271	52.837.007.102	281.440.560.560	165.178.082.357
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	59.506.033.306	41.531.015.305	248.843.832.676	143.030.148.753
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.725.803.965	11.305.991.797	32.596.727.884	22.147.933.604
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	16.486.561.913	124.614.675	17.161.447.571	5.804.336.286
7 Chi phí tài chính	22	VI.4.	(25.132.424)	1.259.035.463	1.564.440.889	3.204.800.317
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			746.459.077	1.259.035.463	1.564.440.889	3.137.035.793
8 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3.164.164.658	2.610.358.748	11.790.077.991	10.195.635.667
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.073.333.644	7.561.212.261	36.403.656.575	14.551.833.906
10 Thu nhập khác	31	VI.5.	449.896.300	-	2.564.877.951	9.043.425.560
11 Chi phí khác	32		416.407.000	15.700.000	937.667.522	180.421.536
12 Lợi nhuận khác	40		33.489.300	(15.700.000)	1.627.210.429	8.863.004.024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.106.822.944	7.545.512.261	38.030.867.004	23.414.837.930
14 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6.	3.563.613.112	1.624.941.147	7.606.173.400	5.246.266.323
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
15 Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		15.543.209.832	5.920.571.114	30.424.693.604	18.168.571.607
16 Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ			15.232.541.907	5.793.038.203	30.215.416.813	17.774.415.069
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			310.667.925	127.532.911	209.276.791	394.156.538
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu			466	242	956	742

Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2017

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Tổng giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng





NGUYỄN QUANG HUÂN

LÊ ANH TUẤN

BÙI THỊ XUYẾN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

	Mã số	Năm 2016		Năm 2015	
		VND		VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	01	38.030.867.004		23.414.837.930	
Điều chỉnh cho các khoản					
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	3.480.131.475		3.547.890.097	
Các khoản dự phòng	03	-		315.283.057	
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-		20.061.398	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17.161.447.571)		(5.737.982.431)	
Chi phí lãi vay	06	1.564.440.889		3.137.035.793	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	25.913.991.797		24.697.125.844	
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	33.884.169.261		(116.955.651.786)	
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(768.255.255)		(5.498.308.941)	
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.084.489.850)		27.460.762.126	
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	331.102.400		(713.445.562)	
Tiền lãi vay đã trả	14	1.564.440.889		(2.532.344.141)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.596.000.264)		(3.511.794.887)	
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17			(310.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	56.244.958.978		(77.363.657.347)	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	-		(166.853.568.998)	
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(850.000.000)		(14.769.444.444)	
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	1.261.613.383		3.000.000.000	
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(76.159.192.384)		(9.114.000.000)	
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	15.183.000.000		642.111.202	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.161.447.571		5.578.537.987	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(43.403.131.430)		(181.516.364.253)	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-		245.519.490.297	
Tiền thu từ đi vay	33	3.050.000.000		15.080.000.000	
Tiền trả nợ gốc vay	34	(12.360.000.000)		(12.550.000.000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.310.000.000)		248.049.490.297	
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ					
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	50	3.531.827.548		(10.830.531.303)	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	60	2.578.084.743		13.428.677.444	
	61	-		(20.061.398)	
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	6.109.912.291		2.578.084.743	



LÊ ANH TUẤN
 Người lập biểu



BÙI THỊ XUYẾN
 Kế toán trưởng



NGUYỄN QUANG HUÂN
 Tổng Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long (dưới đây được gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Thăng Long (chuyển đổi từ Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101143879 ngày 02 tháng 07 năm 2001 và được chuyển đổi thành công ty cổ phần từ ngày 02 tháng 07 năm 2007. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 05 tháng 08 năm 2015, tên công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long.

Công ty có trụ sở tại: Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: **316.606.210.000 đồng** (Bằng chữ: Ba trăm mười sáu tỷ, sáu trăm linh sáu triệu, hai trăm mười nghìn đồng). Tổng số cổ phần là 31.606.621 cổ phần và mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty đã niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là HID.

Công ty có 01 công ty con và 01 chi nhánh, bao gồm:

Công ty cổ phần Nước Thuận Thành

Địa chỉ: Đông Côi, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

Chi nhánh: Chi nhánh miền Tây, Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long

Địa chỉ: 272K đường 30/4, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là buôn bán vật liệu và cung cấp dịch vụ tư vấn.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San nền đối với công trình xây dựng;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Buôn bán thiết bị cấp, thoát nước và thiết bị phục vụ môi trường;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Buôn bán bất động sản; Đầu tư phát triển các công trình cơ sở hạ tầng;
- Hoạt động tư vấn quản lý
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật liên quan
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ ngành nước và môi trường;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ chưa phân vào đâu. Chi tiết: - Khảo sát, điều tra xã hội học, lập kế hoạch đền bù tài định cư và đánh giá tác động môi trường các dự án; - Tư vấn chuyển giao công nghệ.

Trong năm 2016, hoạt động chính của Công ty là thương mại và cung cấp dịch vụ tư vấn.

1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Số lượng nhân viên

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 34 người (vào ngày 31 tháng 03 năm 2016 là 37 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm sau.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND").

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con trong cùng Công ty được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

b. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

c. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.7 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.8 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

4.9 Các khoản nợ phải trả

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

4.10 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

4.11 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

4.12 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong kỳ được căn cứ vào mức lương và các khoản phụ cấp đã được thỏa thuận trên hợp đồng lao động.

4.13 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn như sau:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên tổng quỹ lương cơ bản vào chi phí là 18% và trích từ lương người lao động là 8%.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 3% và trích từ lương người lao động là 1,5%.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương cơ bản vào chi phí là 1% và trích từ lương người lao động là 1%.
- Ngoài ra, Công ty còn trích kinh phí Công đoàn 2% trên tổng quỹ lương đóng bảo hiểm xã hội.

4.14 Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông quyết định và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.16 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở:

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

4.17 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.18 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

4.19 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

4.20 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

4.14 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

4.15 Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.16 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính - ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính bao gồm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ ký cược.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính bao gồm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm: các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.17 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các bên sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát	Quản lý chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2017 VND	01/04/2016 VND
Tiền mặt tồn quỹ	1.855.651.334	172.457.349
Tiền gửi ngân hàng	4.254.260.957	2.405.627.394
	6.109.912.291	2.578.084.743

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/03/2017	01/04/2016
	Giá gốc VND	Giá gốc VND
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị ghi sổ VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Tiền gửi có kỳ hạn 4 tháng	750.000.000	-
	750.000.000	-

5.2.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2017		01/04/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	86.128.192.384	-	9.969.000.000	-
Công ty CP Đầu tư dầu khí Mê Kông	-	-	9.114.000.000	-
Công ty Cổ Phần Chuyển giao công nghệ Nước Sạch Hồng Ngọc	8.511.800.000	-	-	-
Công ty Cổ Phần Công nghệ nước sạch Khang Long	12.900.000.000	-	-	-
Công ty CP Công nghệ HIPT Việt Nam	10.986.740.000	-	-	-
Công ty CP An Lạc Sơn	855.000.000	-	855.000.000	-
Công ty CP Hạ Tầng Nước Minh Hoàng	6.982.252.384	6.982.252.384	-	855.000.000
Công ty CP Công nghệ nước sạch Đại Việt	10.692.400.000	10.692.400.000	-	-
Công ty CP Nước sạch Miền Trung	11.800.000.000	11.800.000.000	-	-
Công ty CP Đầu tư Hạ Tầng Nước Sạch Phú Minh	12.400.000.000	12.400.000.000	-	-
Công ty CP Đầu tư Nước và Dầu khí Me Kong	11.000.000.000	11.000.000.000	-	-
	86.128.192.384	-	9.969.000.000	-
		86.128.192.384		9.969.000.000

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/03/2017 VND	01/04/2016 VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty CP Đầu tư phát triển điện Bắc Bình		1.921.810.286
Công ty CP M.A.M Việt Nam	6.813.854.200	9.816.581.617
Công ty CP Thương mại và Tư vấn Tân Cơ		3.992.465.887
Công ty TNHH Econet Engineering		750.640.028
BQL Đầu tư xây dựng công trình dân dụng tỉnh Lạng Sơn	3.046.668.206	1.369.158.042
BQLDA phát triển toàn diện KTXH TP. Việt Trì	3.467.148.473	1.327.835.019
Công ty CP XD và TM Du lịch Tuấn Thành Phát		9.334.416.001
Công ty TNHH XD và TM Xuân Minh Bảo	2.505.989.000	2.505.989.000
Công ty CP Hưng Cơ	6.094.873.389	
BQLDA thực hiện DA hợp phần phát triển toàn diện kinh tế xã hội đô thị Hưng Yên	2.158.138.848	
Các khách hàng khác	2.519.775.187	2.446.998.949
	26.606.447.303	33.465.894.829

5.4 Trả trước cho người bán

	31/03/2017 VND	01/04/2016 VND
Trả trước cho các tổ chức và cá nhân khác	28.081.653.573	91.026.521.982
Công ty CP Đầu tư dầu khí Mê Kông	-	2.300.600.000
Công ty CP ĐT XD công nghệ mới Thuận Thành	-	8.600.000.000
Công ty cổ phần đầu tư EU Việt Nam	-	19.300.000.000
Công ty CP Đầu tư XD và thương mại Gia Đông	-	8.600.000.000
Công ty CP Đầu tư Me Kong Việt Nam	-	19.800.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng THPT Việt Nam	-	13.200.000.000
Công ty TNHH Cơ Khí và XD Tân Thành An	17.805.193.582	16.728.664.582
CÔNG TY CP TƯ VẤN, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH QTC VIỆT NAM	8.542.532.000	
Các tổ chức, cá nhân khác	1.733.927.991	1.997.257.400
	28.081.653.573	91.026.521.982

5.5 Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn

5.5.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/03/2017 VND	01/04/2016 VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	-	1.610.000.000
Chương trình nước và vệ sinh cho các thị trấn Việt Nam, giai đoạn bền vững (i)	-	1.610.000.000
	-	1.610.000.000

- (i) Là khoản cho Ban chương trình nước và vệ sinh cho các thị trấn ở Việt Nam vay, với mục đích sử dụng là thực hiện phần hoàn trả của dự án, lãi suất 0%/năm. Trả nợ khi thực hiện xong dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

5.5.2 Phải thu về cho vay dài hạn

	31/03/2017 VND	01/04/2016 VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác		
Công ty CP Hạ tầng THPT Việt Nam (i)	3.341.831.061	10.159.444.444
	3.341.831.061	10.159.444.444

- (i) Khoản hợp tác đầu tư theo hợp đồng số 04/HDUTDT ngày 15 tháng 6 năm 2015. Theo đó, Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long hợp tác đầu tư với Công ty CP Hạ tầng THPT Việt Nam với số tiền 10 tỷ đồng, lợi nhuận cố định là 2%/năm trên số tiền hợp tác đầu tư trong thời hạn 3 năm. Số tiền lãi phát sinh được thu vào cuối thời hạn của hợp đồng hợp tác đầu tư. Do đó, tại mỗi kỳ báo cáo, Công ty ghi nhận trước số tiền lãi ước tính tương ứng.

5.6 Các khoản phải thu khác

	31/03/2017		01/04/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn	10.654.998.897	-	11.292.570.327	-
Tạm ứng	622.938.596	-	1.981.614.886	-
Ký quỹ, ký cược	661.568.613	-	1.741.913.900	-
Phải thu khác			7.569.041.541	-
- Thuế GTGT đầu vào chưa có HD	669.051.547	-	1.590.688.656	-
- Công ty CP Thương mại dịch vụ và đầu tư Phú Hòa (i)	1.000.000.000	-	5.000.000.000	-
- Nguyễn Đức Quyết	5.700.000.000	-		-
- Phải thu khác	2.001.440.141	-	978.352.885	-
b. Dài hạn	200.668.620.218	-	160.000.000.000	-
Công ty CP Nước Hưng Long (ii)	60.000.000.000	-	60.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư TPP Việt Nam (iii)	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư Green Capital Hà Nội	40.400.000.000	-		-
Khác	268.620.218	-		-
	200.668.620.218	-	171.292.570.327	-

- (i) Căn cứ hợp đồng số 18/2010/HĐCNCT ngày 26 tháng 06 năm 2010 và khoản 3 điều 2 phụ lục II ký ngày 5 tháng 9 năm 2013 giữa Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long và Công ty cổ phần Thương mại dịch vụ và Đầu tư Phú Hòa do không hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng tiến độ để bàn giao cho Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Hà Long nên hai bên cùng thỏa thuận chấm dứt hợp đồng số 18/2010/HĐCNCT. Ngày 21 tháng 10 năm 2015, Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ và Đầu tư Phú Hòa chấp nhận thanh toán 5.000.000.000 đồng (năm tỷ đồng) tiền phạt do vi phạm hợp đồng.
- (ii) Là khoản tiền hợp tác kinh doanh với Công ty CP Nước Hưng Long theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 05/2015/HĐKT ngày 10 tháng 07 năm 2015 về việc đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà máy cung cấp nước sạch tại thị trấn Lương Bằng, và khu vực lân cận huyện Kim Động tỉnh Hưng Yên. Thời gian hợp tác là 05 năm.
- (iii) Là khoản tiền Hợp tác đầu tư “Chuẩn bị đầu tư các dự án giao thông và xử lý nước thải theo hình thức PPP tại thành phố Cần Thơ”, giữa liên danh gồm Công ty Quản lý xây dựng và công nghệ thông tin (CMIT – Hàn Quốc) và Công ty CP Đầu tư và Tư vấn Hà Long (Bên A) với Công ty CP Đầu tư TPP Việt Nam (Bên B). Hai bên thống nhất hình thành liên danh thực hiện hoạt động nghiên cứu tiền khả thi, nghiên cứu khả thi lập dự án đầu tư, đưa ra đề xuất đầu tư các dự án giao thông và xử lý nước thải tại thành phố Cần Thơ. Thời gian hợp tác là 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

5.7 Hàng tồn kho

	31/03/2017		01/04/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí SXKD dở dang	8.842.477.882	-	8.074.222.627	-
	8.842.477.882	-	8.074.222.627	-

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/03/2017 VND	01/04/2016 VND
Chi phí công cụ dụng cụ	487.002.522	829.928.133
	487.002.522	829.928.133

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Vào ngày 01/04/2016	92.093.762.998	2.756.093.818	43.957.143	94.893.813.959
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Vào ngày 31/03/2017	92.093.762.998	2.756.093.818	43.957.143	94.893.813.959
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 01/04/2016	3.752.134.583	1.816.837.463	43.957.143	5.612.929.189
Khấu hao trong kỳ	3.069.792.095	410.339.380	-	2.586.165.561
Vào ngày 31/03/2017	6.821.926.678	2.227.176.843	43.957.143	9.093.060.664
Giá trị còn lại				
Vào ngày 01/04/2016	88.341.628.415	939.256.355	-	89.280.884.770
Vào ngày 31/03/2017	85.271.836.320	528.916.975	-	85.800.753.295

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/03/2017		01/04/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	11.222.382.226	11.222.382.226	5.657.633.185	5.657.633.185
Công ty CP Công nghiệp Áng Dương	5.845.037.947	5.845.037.947	-	-
Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật quốc tế ITIC	-	-	3.089.342.318	3.089.342.318
Công ty CP TV Đầu tư và XD Hương Giang	-	-	1.684.842.261	1.684.842.261
Công ty cổ phần An Đạt	4.335.506.306	4.335.506.306	-	-
Các nhà cung cấp khác khác	1.041.837.973	1.041.837.973	883.448.606	883.448.606
	11.222.382.226	11.222.382.226	5.657.633.185	5.657.633.185

5.11 Người mua trả tiền trước

	31/03/2017 VND	01/04/2016 VND
Các tổ chức và cá nhân khác		
BQL DA Đầu tư XD các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị	827.879.000	827.879.000
Tổng công ty Phát triển đường cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV	145.386.203	467.686.125
Ban quản lý tiểu dự án phát triển đô thị Vinh	-	394.801.000
Công ty CP Đầu tư Nước và Dầu Khí Me Kong	-	2.300.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

Việt Nam		
Các khách hàng khác	681.940.236	22.200.055
	<u>1.655.205.439</u>	<u>4.013.166.180</u>
5.12 Chi phí phải trả ngắn hạn	31/03/2017	01/04/2016
	VND	VND
Trích trước chi phí dự án Lào Cai	24.907.818	552.955.273
Trích trước chi phí lãi vay	-	466.683.452
Chi phí phải trả khác	697.910.730	138.008.200
	<u>722.818.548</u>	<u>1.157.646.925</u>
5.13 Các khoản phải trả, phải nộp khác		
5.13.1 Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	31/03/2017	01/04/2016
	VND	VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	423.014.239	566.452.912
Kinh phí công đoàn		70.024.111
Các khoản phải trả, phải nộp khác	423.014.239	496.428.801
- <i>Sở tài chính tỉnh Bắc Ninh</i>		-
- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>		496.428.801
	<u>423.014.239</u>	<u>566.452.912</u>
5.13.2 Các khoản phải trả, phải nộp khác dài hạn	31/03/2017	01/04/2016
	VND	VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	57.003.605.000	55.741.408.550
Sở tài chính tỉnh Bắc Ninh (i)	56.943.931.000	55.407.231.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	59.674.000	334.177.550
	<u>57.003.605.000</u>	<u>55.741.408.550</u>

- (i) Theo văn bản số 894/UBND-KTTH ngày 16 tháng 5 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Công ty được hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước 45% tổng dự toán của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời hỗ trợ lãi suất vay ngân hàng cho phần vốn đầu tư của doanh nghiệp (55% tổng dự toán của dự án được phê duyệt) trong thời gian 5 năm kể từ ngày khởi công đối với dự án thị trấn Hồ theo quyết định số 890/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh ngày 26 tháng 07 năm 2011 và hỗ trợ 100% tổng dự toán dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với dự án xã Gia Đông theo quyết định 477/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Ninh ngày 26 tháng 5 năm 2014. Nguồn vốn này sẽ được thu hồi dần theo tỷ lệ khấu hao TSCĐ quy định tại Quyết định 138/2014/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Ninh ngày 07 tháng 05 năm 2014.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
 Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

5.14.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/03/2017		01/04/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay cá nhân	2.700.000.000	2.700.000.000	3.880.000.000	3.880.000.000
Nguyễn Minh Tuấn	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngô Thị Phương Quế (i)	2.400.000.000	2.400.000.000	500.000.000	500.000.000
Nguyễn Thị Thương	300.000.000	300.000.000	1.380.000.000	1.380.000.000
Cộng	2.700.000.000	2.700.000.000	23.868.356.720	23.868.356.720

(i) Khoản vay cá nhân Ngô Thị Phương Quế được ghi nhận theo từng hợp đồng vay với lãi suất 10%/năm, thời hạn vay dưới 03 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động

5.14.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/03/2017		01/04/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngân hàng, tổ chức kinh tế	14.217.411.000	14.217.411.000	2.611.111.000	2.611.111.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh (i)	3.000.000.000	3.000.000.000	2.611.111.000	2.611.111.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh	11.217.411.000	11.217.411.000		
Cộng	14.217.411.000	14.217.411.000	2.611.111.000	2.611.111.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG
 Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

5.15 Vốn chủ sở hữu (“CSH”)

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư 01/04/2015	54.550.000.000	567.097.000	(832.308.000)	1.462.410.602	7.006.481.741	3.848.453.304	66.602.134.647
Tăng vốn trong kỳ	245.450.000.000	69.490.297	-	-	-	-	245.519.490.297
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	17.774.415.069	394.156.538	18.168.571.607
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(310.000.000)	-	(310.000.000)
Thay đổi lợi ích các sở hữu đối tỷ lệ	-	-	-	-	662.326	(662.326)	-
Thay đổi của Công ty sở hữu của Công ty	-	-	780.509.703	-	-	-	780.509.703
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	(51.798.297)	-	-	-	-
Số dư 31/03/2016	300.000.000.000	636.587.297	(51.798.297)	1.462.410.602	24.471.559.136	4.241.947.516	330.760.706.254
Số dư 01/04/2016	300.000.000.000	636.587.297	(51.798.297)	1.462.410.602	24.471.559.136	4.241.947.516	330.760.706.254
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	30.272.992.749	(32.670.725)	30.240.322.024
Tăng khác	16.066.210.000	-	(168.750.000)	-	-	-	15.897.460.000
Giảm khác	-	-	-	-	16.275.486.791	-	16.275.486.791
Số dư 31/03/2017	316.066.210.000	636.587.297	(220.548.297)	1.462.410.602	38.469.065.094	4.209.276.791	360.623.001.487

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

Cổ Phiếu

	31/03/2017	01/04/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.606.210	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.606.210	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	31.606.210	30.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.641	5.641
- Cổ phiếu phổ thông	5.641	5.641
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.600.560	29.994.359
- Cổ phiếu phổ thông	31.600.560	29.994.359
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****Doanh thu**

	Quý IV năm 2016 VND	Quý IV năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	65.231.837.271	52.837.007.102
Doanh thu thuần	<u>65.231.837.271</u>	<u>52.837.007.102</u>

6.2 Giá vốn hàng bán

	Quý IV năm 2016 VND	Quý IV năm 2015 VND
Giá vốn bán hàng hóa cung cấp dịch vụ	59.506.033.306	41.531.015.305
	<u>59.506.033.306</u>	<u>41.531.015.305</u>

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV năm 2016 VND	Quý IV năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.058.254	124.614.675
Lãi từ hoạt động đầu tư	16.483.503.659	-
	<u>16.486.561.913</u>	<u>124.614.675</u>

6.4 Chi phí tài chính

	Quý IV năm 2016 VND	Quý IV năm 2015 VND
Lãi tiền vay	746.459.077	1.259.035.463
Chi phí tài chính khác	(771.591.501)	-
	<u>(25.132.424)</u>	<u>1.259.035.463</u>

7. THÔNG TIN SO SÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ TƯ VẤN HÀ LONG

Căn 1001, tòa nhà 101 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

Số liệu được dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/03/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Quốc tế.

8. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Lê Anh Tuấn
Người lập biểu



Bùi Thị Xuyên
Kế toán trưởng



NGUYỄN QUANG HUÂN
Giám đốc

TP. Hà Nội, ngày 27 tháng 04 năm 2017

